

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên hệ chính quy học kỳ 2 năm học 2020-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2939/QĐ-ĐHV ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về chế độ học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội đối với sinh viên hệ chính quy học tập trung tại Trường Đại học Vinh năm học 2020-2021;

Căn cứ vào kết quả học tập, rèn luyện học kỳ 1 năm học 2020-2021 của sinh viên và kết luận của Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 8 / 4 /2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị-Học sinh, sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2 (5 tháng), năm học 2020 - 2021 cho 499 sinh viên, hệ chính quy từ khóa 57 hệ kỹ sư (5 năm) đến khóa 60 với tổng số tiền: 2.824.875.000 đồng (Hai tỷ tám trăm hai tư triệu tám trăm bảy lăm nghìn đồng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Công tác chính trị-Học sinh, sinh viên, Kế hoạch-Tài chính, Đào tạo, Hành chính tổng hợp; Trưởng các viện, các khoa đào tạo, các đơn vị có liên quan và các sinh viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ch*

Nơi nhận: *✓*

- Như Điều 2;
- Lưu: HCTH, CTCT-HSSV. *✓*


GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG KKHT CHO SINH VIÊN
Học kỳ 2 - Năm học 2020-2021

(Kèm theo quyết định số : **895/QĐ-ĐHV** ngày **13** tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng g | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|----|-----|-----------------------|------------------|--------------|------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|------------------|--------------|-----------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 1 | 1 | HOÀNG THỊ LÝ | 1755234030100061 | 58B1 Kế toán | Kinh tế | 9,23 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187822881 | 0356558927 | 101867554973 | Vietinbank |
| 2 | 2 | Đình Thị Thu Uyên | 1755234030100510 | 58B9 Kế toán | Kinh tế | 9,21 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187812714 | 0582596659 | 103867649043 | Vietinbank |
| 3 | 3 | ĐẶNG THỊ HẢI LÝ | 1755234030100522 | 58B9 Kế toán | Kinh tế | 9,11 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184372333 | 0369763892 | 105867649038 | Vietinbank |
| 4 | 4 | NGUYỄN THỊ TÚ ANH | 1755234030100126 | 58B1 Kế toán | Kinh tế | 9,09 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187589615 | 0363106977 | 103867561663 | Vietinbank |
| 5 | 5 | LÊ THỊ HÀ TRANG | 1755234030100323 | 58B5 Kế toán | Kinh tế | 9,07 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184369238 | 0392538086 | 101867569463 | Vietinbank |
| 6 | 6 | PHẠM THỊ BÍCH NGỌC | 1755234030100330 | 58B5 Kế toán | Kinh tế | 9,04 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187588495 | 0382028546 | 104867569446 | Vietinbank |
| 7 | 7 | NGUYỄN THỊ XUÂN | 1755234030100117 | 58B1 Kế toán | Kinh tế | 9,04 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187812317 | 0356043173 | 101867555004 | Vietinbank |
| 8 | 8 | NGUYỄN THỊ THỦY | 1755234030100113 | 58B1 Kế toán | Kinh tế | 9 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187501532 | 0344888650 | 105867554993 | Vietinbank |
| 9 | 9 | HỒ THỊ MÁY | 1755234030100313 | 58B5 Kế toán | Kinh tế | 8,99 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187789632 | 0763070359 | 108872920229 | Vietinbank |
| 10 | 10 | TRỊNH THỊ QUỲNH CHI | 1755234030100040 | 58B2 Kế toán | Kinh tế | 8,95 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187789524 | 0373569757 | 107867556611 | Vietinbank |
| 11 | 11 | LÂM THANH HIỀN | 1755234030100133 | 58B2 Kế toán | Kinh tế | 8,94 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187817131 | 0333762869 | 109867556621 | Vietinbank |
| 12 | 12 | LÊ THỊ MINH | 1755234030100459 | 58B8 Kế toán | Kinh tế | 8,94 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184367855 | 0335460304 | 108867570335 | vietinbank |
| 13 | 13 | NGUYỄN THỊ MINH | 1755234030100487 | 58B9 Kế toán | Kinh tế | 8,92 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187701390 | 0337574898 | 106867649052 | Vietinbank |
| 14 | 14 | NGUYỄN THỊ ÁNH | 1755234030100075 | 58B3 Kế toán | Kinh tế | 8,88 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187796211 | 0389843478 | 104867568829 | vietinbank |
| 15 | 15 | TRƯƠNG THỊ THỖ | 1755234030100489 | 58B9 Kế toán | Kinh tế | 8,87 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187642589 | 0819746669 | 102867649056 | Vietinbank |
| 16 | 16 | PHAN THỊ THỦY | 1755234030100245 | 58B1 Kế toán | Kinh tế | 8,87 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184298633 | 0338756296 | 103867554995 | Vietinbank |
| 17 | 17 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG DUNG | 1755234030100381 | 58B1 Kế toán | Kinh tế | 8,84 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187700353 | 0348518323 | 104867554955 | Vietinbank |
| 18 | 18 | ĐẬU QUỲNH ANH | 1755234030100090 | 58B3 Kế toán | Kinh tế | 8,83 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187735048 | 0942912219 | 108867568825 | Vietinbank |
| 19 | 19 | Nguyễn Lê Khánh Huyền | 1755234030100470 | 58B8 Kế toán | Kinh tế | 8,8 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187812332 | 0899621149 | 109867570322 | Vietinbank |
| 20 | 20 | Đương Mỹ Linh | 1755234030100469 | 58B8 Kế toán | Kinh tế | 8,8 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184371650 | 0944307267 | 106867570325 | Vietinbank |
| 21 | 21 | NGUYỄN THỊ THÁI | 1755234030100273 | 58B1 Kế toán | Kinh tế | 8,76 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187823160 | 0858520115 | 101867554985 | Vietinbank |
| 22 | 22 | NGUYỄN THỊ THU HOÀI | 1755234030100025 | 58B7 Kế toán | Kinh tế | 8,74 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187828167 | 0969097574 | 108867570253 | Vietinbank |
| 23 | 23 | Nguyễn Thị Lan Chi | 1755234030100369 | 58B6 Kế toán | Kinh tế | 8,73 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187512248 | 0966412705 | 102867569475 | Vietinbank |
| 24 | 24 | PHẠM THỊ HUYỀN | 1755234030100367 | 58B1 Kế toán | Kinh tế | 8,73 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187588820 | 0364407658 | 105867554966 | Vietinbank |
| 25 | 25 | TRẦN THỊ KHÁNH LINH | 1755234030100125 | 58B6 Kế toán | Kinh tế | 8,72 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187589702 | 0327193796 | 104867569497 | Vietinbank |
| 26 | 26 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | 1755234030100320 | 58B1 Kế toán | Kinh tế | 8,71 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187755468 | 0387874843 | 104867554982 | Vietinbank |
| 27 | 27 | ĐÌNH THỊ HƯƠNG TRÀ | 1755234030100329 | 58B5 Kế toán | Kinh tế | 8,69 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187644763 | 0338002381 | 103867569461 | Vietinbank |
| 28 | 28 | NGUYỄN THỊ HƯỜNG | 1755234030100330 | 58B5 Kế toán | Kinh tế | 8,69 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187787314 | 0339730913 | 107867569428 | Vietinbank |
| 29 | 29 | Trần Thị Huyền | 18573403010444 | 59B1-Kế toán | Kinh tế | 9,32 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187787874 | 0335471835 | 106869241228 | Vietinbank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng | Số tiền d/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|----|-----|------------------------|----------------|-----------------|------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|-------------|--------------|------------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 30 | 30 | Phan Thị Thanh Giang | 18573403010469 | 59B6-Kế toán | Kinh tế | 9,25 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184413092 | 0374227704 | 100869205218 | Vietinbank |
| 31 | 31 | ĐOÀN THỊ KIM LINH | 18573403010335 | 59B4-Kế toán | Kinh tế | 9,16 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187845671 | 0961019015 | 104869205117 | Vietinbank |
| 32 | 32 | PHAN THỊ THANH LAM | 18573403010173 | 59B2-Kế toán | Kinh tế | 9,14 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187855551 | 0394565948 | 103869241370 | Vietinbank |
| 33 | 33 | HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG | 18573403010348 | 59B4-Kế toán | Kinh tế | 9,11 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187859236 | 0814545326 | 107869205138 | Vietinbank |
| 34 | 34 | Sư Thị Huyền | 18573403010481 | 59B6-Kế toán | Kinh tế | 9,09 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187594413 | 0388089837 | 101869205229 | Vietinbank |
| 35 | 35 | TRẦN THỊ YÊN NHI | 18573403010236 | 59B3-Kế toán | Kinh tế | 9,01 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187707505 | 0332534582 | 109869205054 | Vietinbank |
| 36 | 36 | HOÀNG THỊ HỒNG QUYÊN | 18573403010327 | 59B4-Kế toán | Kinh tế | 9 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187708877 | 0392418563 | 104869205129 | Vietinbank |
| 37 | 37 | TRẦN THỊ LOAN | 18573403010146 | 59B2-Kế toán | Kinh tế | 8,96 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184402047 | 0356832446 | 107869241376 | Vietinbank |
| 38 | 38 | THÁI THỊ HOÀI | 18573403010245 | 59B4-Kế toán | Kinh tế | 8,95 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187594911 | 0776235490 | 109869205109 | Vietinbank |
| 39 | 39 | ĐINH THỊ THU SƯƠNG | 18573403010358 | 59B4-Kế toán | Kinh tế | 8,94 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187818236 | 0773384937 | 104869205131 | Vietinbank |
| 40 | 40 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH | 18573403010406 | 59B8-Kế toán | Kinh tế | 8,94 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187859286 | 0339194258 | 104869205323 | Vietinbank |
| 41 | 41 | VÕ THỊ HOÀI THƯ | 18573403010272 | 59B3-Kế toán | Kinh tế | 8,93 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187804042 | 0964495130 | 105869205073 | Vietinbank |
| 42 | 42 | Hoàng Uyên Nhi | 18573403010480 | 59B6-Kế toán | Kinh tế | 8,89 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 194628331 | 0865723938 | 105869205237 | Vietinbank |
| 43 | 43 | Hồ Thị Thúy | 18573403010031 | 59B3-Kế toán | Kinh tế | 8,89 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187876078 | 0973250826 | 105869440138 | Vietinbank |
| 44 | 44 | Đinh Thị Thái | 18573403010527 | 59B7-Kế toán | Kinh tế | 8,88 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187699031 | 0355151172 | 108869205304 | Vietinbank |
| 45 | 45 | BÙI THỊ THUY LINH | 18573403010147 | 59B5-Kế toán | Kinh tế | 8,88 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187870349 | 0372199910 | 102869205173 | Vietinbank |
| 46 | 46 | NGUYỄN THỊ HẬU | 18573403010167 | 59B4-Kế toán | Kinh tế | 8,86 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187870653 | 0332362748 | 102869205106 | Vietinbank |
| 47 | 47 | ĐÀU THỊ MỸ LINH | 18573403010226 | 59B2-Kế toán | Kinh tế | 8,86 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184303303 | 0968496389 | 101869447762 | Vietinbank |
| 48 | 48 | ĐẶNG THỊ VÂN | 18573403010325 | 59B2-Kế toán | Kinh tế | 8,83 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187787972 | 0965731640 | 102869241413 | vietinbank |
| 49 | 49 | HỒ MAI ANH | 18573403010191 | 59B2-Kế toán | Kinh tế | 8,8 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187920373 | 0352429520 | 106869241352 | vietinbank |
| 50 | 50 | HỒ THỊ HÀ KHANH | 18573403010142 | 59B1-Kế toán | Kinh tế | 8,8 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187853868 | 0396468463 | 102869241234 | Vietinbank |
| 51 | 51 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH | 18573403010190 | 59B4-Kế toán | Kinh tế | 8,79 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187854439 | 0869122421 | 109868153707 | Vietinbank |
| 52 | 52 | NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN | 18573403010140 | 59B1-Kế toán | Kinh tế | 8,76 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187819388 | 0846280820 | 107869241227 | Vietinbank |
| 53 | 53 | Nguyễn Thị Khánh Ly | 18573403010492 | 59B6-Kế toán | Kinh tế | 8,73 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187854795 | 0337233260 | 103868064722 | Vietinbank |
| 54 | 54 | NGÔ THỊ HUYỀN CHI | 18573403010131 | 59B2-Kế toán | Kinh tế | 8,73 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187819384 | 0799096656 | 102869241356 | Vietinbank |
| 55 | 55 | TRẦN THỊ THÚY | 18573403010234 | 59B2-Kế toán | Kinh tế | 8,7 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187787707 | 0971915604 | 102869241400 | Vietinbank |
| 56 | 56 | Trần Ngọc Ánh | 18573403010535 | 59B2-Kế toán | Kinh tế | 8,69 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187911449 | 0978013735 | 100869241415 | Vietinbank |
| 57 | 57 | Nguyễn Thị Mận | 18573403010487 | 59B6-Kế toán | Kinh tế | 8,68 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 1193009588 | 0372195232 | 107869205235 | Vietinbank |
| 58 | 58 | NGUYỄN THỊ KIM OANH | 18573403010232 | 59B1-Kế toán | Kinh tế | 8,67 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187858686 | 0949189102 | 109869241252 | Vietinbank |
| 59 | 59 | LÊ LÊ VY | 18573403010391 | 59B8-Kế toán | Kinh tế | 8,66 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187747665 | 0392735062 | 101869442359 | Vietinbank |
| 60 | 60 | Hồ Thị Hoài | 19573403010482 | K60B2 - Kế toán | Kinh tế | 8,86 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187855627 | 0971832722 | 107870785636 | Vietinbank |
| 61 | 61 | Nguyễn Thị Hà Vy | 19573403010155 | K60B1 - Kế toán | Kinh tế | 8,81 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187818839 | 0977541029 | 106870376459 | Vietinbank |
| 62 | 62 | Lê Thị Hoài | 19573403010423 | K60B1 - Kế toán | Kinh tế | 8,63 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184438706 | 0832279766 | 105870814982 | Vietinbank |
| 63 | 63 | Vân Thị Huyền Chi | 19573403010131 | K60B6 - Kế toán | Kinh tế | 8,61 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187910882 | 0366366758 | 101870815236 | Vietinbank |
| 64 | 64 | Lê Viết Sơn | 19573403010024 | K60B1 - Kế toán | Kinh tế | 8,51 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 1876999988 | 0963979161 | 105870001649 | Vietinbank |
| 65 | 65 | Bùi Thị Hằng | 19573403010012 | K60B4 - Kế toán | Kinh tế | 8,44 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184311884 | 965702091 | 109870823818 | Vietinbank |
| 66 | 66 | Hoàng Thị Thúy Linh | 19573403010313 | K60B7 - Kế toán | Kinh tế | 8,38 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187881250 | 0846071445 | 104869448687 | Vietinbank |
| 67 | 67 | Nguyễn Thị Thùy Trang | 19573403010143 | K60B1 - Kế toán | Kinh tế | 8,35 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187915762 | 0395948470 | 104870815015 | Vietinbank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | DTBC HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|------------------------|--------------------|-----------------|------------|---------------|----------|----------|--------------------|----------|--------------|-------------|---------------|--------------------------|-----------------|
| 68 | 68 | Phan Thị Thân | 19573403010257 | K60B7 - Kế toán | Kinh tế | 8,35 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187883271 | 0367366325 | 104870815343 | Vietinbank |
| 69 | 69 | Nguyễn Thị Tú | 19573403010396 | K60B4 - Kế toán | Kinh tế | 8,33 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187962219 | 0354518728 | 107870815173 | Vietinbank |
| 70 | 70 | Trương Thị Oanh | 19573403010185 | K60B5 - Kế toán | Kinh tế | 8,32 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187874640 | 0848934798 | 103870815207 | Vietinbank |
| 71 | 71 | Nguyễn Thị Long | 19573403010115 | K60B6 - Kế toán | Kinh tế | 8,3 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184384744 | 0326213732 | 103870815259 | Vietinbank |
| 72 | 72 | Đinh Thị Ngọc | 19573403010369 | K60B2 - Kế toán | Kinh tế | 8,26 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187963037 | 0925606501 | 105870815053 | Vietinbank |
| 73 | 73 | Nguyễn Thị Thương | 19573403010507 | K60B5 - Kế toán | Kinh tế | 8,21 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187827112 | 0868158107 | 103871316008 | Vietinbank |
| 74 | 74 | Phạm Thị Vân Anh | 19573403010033 | K60B6 - Kế toán | Kinh tế | 8,15 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187855843 | 0337296821 | 104870815233 | Vietinbank |
| 75 | 75 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 19573403010170 | K60B6 - Kế toán | Kinh tế | 8,14 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187963157 | 0353404927 | 102871316009 | Vietinbank |
| 76 | 76 | Lê Hoài Phương | 19573403010164 | K60B5 - Kế toán | Kinh tế | 8,13 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187892724 | 0989548290 | 103870815177 | Vietinbank |
| 77 | 77 | Lê Thị Huyền Trang | 19573403010023 | K60B1 - Kế toán | Kinh tế | 8,09 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187759424 | 0852108991 | 106870815013 | Vietinbank |
| 78 | 78 | Phạm Thị Lê | 19573403010487 | K60B3 - Kế toán | Kinh tế | 8,09 | Khá | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187881158 | 0869283544 | 107871316017 | Vietinbank |
| 79 | 79 | Nguyễn Thị Bá Ngọc | 19573403010196 | K60B6 - Kế toán | Kinh tế | 8,05 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184429258 | 0799156945 | 109870815265 | Vietinbank |
| 80 | 80 | Đinh Thị Thuý Vân | 19573403010504 | K60B5 - Kế toán | Kinh tế | 8,05 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187956082 | 0386029211 | 107871316004 | Vietinbank |
| 81 | 81 | Võ Thị Thảo | 19573403010486 | K60B3 - Kế toán | Kinh tế | 8,03 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187923681 | 0385907015 | 108871316016 | Vietinbank |
| 82 | 82 | Nguyễn Thị Thuý Linh | 19573403010305 | K60B4 - Kế toán | Kinh tế | 8,01 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187818743 | 0932470536 | 101870815154 | Vietinbank |
| 83 | 83 | Nguyễn Thị Sang | 19573403010163 | K60B4 - Kế toán | Kinh tế | 8,01 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187962468 | 0328861115 | 101870815166 | Vietinbank |
| 84 | 84 | Võ Thị Hằng | 19573403010179 | K60B6 - Kế toán | Kinh tế | 8,01 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187874014 | 0396946672 | 106870815244 | Vietinbank |
| 85 | 85 | Nguyễn Thị Anh | 19573403010130 | K60B1 - Kế toán | Kinh tế | 7,95 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 184391728 | 0889042726 | 103870814969 | Vietinbank |
| 86 | 86 | Trần Hằng Nga | 19573403010154 | K60B2 - Kế toán | Kinh tế | 7,95 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 44301002122 | 0364331863 | 100871478421 | Vietinbank |
| 87 | 87 | Tăng Thị Phương | 19573403010215 | K60B6 - Kế toán | Kinh tế | 7,94 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187872188 | 0385685405 | 103870815274 | Vietinbank |
| 88 | 88 | Bùi Nguyên Anh | 19573403010178 | K60B5 - Kế toán | Kinh tế | 7,89 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187829436 | 0382119814 | 102870815178 | Vietinbank |
| 89 | 89 | Phan Thị Hồng Vương | 1755231010100005 | 58B Kinh tế | Kinh tế | 9,02 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187666882 | 0962064423 | 106867555036 | Vietinbank |
| 90 | 90 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LY | 1755231010100033 | 58B Kinh tế | Kinh tế | 9 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187806446 | 0981026985 | 108867555034 | Vietinbank |
| 91 | 91 | Phan Trung Hiếu | 1755234010100037 | 58B1 QTKD | Kinh tế | 8,66 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184294477 | 0355336365 | 104867556568 | Vietinbank |
| 92 | 92 | NGUYỄN THỊ THẢO ĐAN | 1755234010100133 | 58B1 QTKD | Kinh tế | 8,59 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187737039 | 0961021723 | 108867556552 | Vietinbank |
| 93 | 93 | NGUYỄN VĂN HỒNG | 1755234010100141 | 58B1 QTKD | Kinh tế | 8,52 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187744476 | 0988383240 | 108867649293 | Vietinbank |
| 94 | 94 | Nguyễn Thị Mỹ Linh | 1755234010100038 | 58B1 QTKD | Kinh tế | 8,5 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184376618 | 0973487952 | 103867556584 | Vietinbank |
| 95 | 95 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH | 1755234010100102 | 58B QTKD_CLC | Kinh tế | 8,81 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187818323 | 0969983656 | 108867568021 | Vietinbank |
| 96 | 96 | HỒ THỊ NGU | 1755234010100067 | 58B QTKD_CLC | Kinh tế | 8,53 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187755130 | 0392275000 | 105867556594 | Vietinbank |
| 97 | 97 | Trần Thị Thu Hằng | 1755234010100061 | 58B QTKD_CLC | Kinh tế | 8,5 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184362204 | 0358471424 | 103867556584 | Vietinbank |
| 98 | 98 | LÊ ĐÌNH NAM | 17552340201_100002 | 58B TCNH | Kinh tế | 8,65 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187569563 | 0852336224 | 103867860049 | Vietinbank |
| 99 | 99 | NGUYỄN THỊ ÁNH | 17552340201_200035 | 58B TCNH | Kinh tế | 9,04 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187812561 | 0335642310 | 108867860004 | Vietinbank |
| 100 | 100 | Trần Thị Ngọc Ánh | 17552340201_200051 | 58B TCNH | Kinh tế | 8,99 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184395022 | 0913938698 | 107867860005 | vietinbank |
| 101 | 101 | Võ Đình An | 17552340201_200007 | 58B TCNH | Kinh tế | 8,72 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187818486 | 0973508251 | 105867859998 | vietinbank |
| 102 | 102 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | 18573101010027 | 59B KTĐT | Kinh tế | 9,08 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187871301 | 0974902816 | 103869205376 | vietinbank |
| 103 | 103 | Kopsack Dalasouk | 18573101014050 | 59B KTĐT | Kinh tế | 8,63 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | PA 0197254 | 0868 226491 | 101869419788 | vietinbank |
| 104 | 104 | HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG | 18573101010018 | 59B KTĐT | Kinh tế | 8,36 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187594000 | 0343253010 | 108868905078 | vietinbank |
| 105 | 105 | Hồ Thị Vân | 18573401010142 | 59B3 QTKD | Kinh tế | 9,45 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187854767 | 0919640876 | 101869441975 | vietinbank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|------------------------|------------------|----------------|------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|-------------|--------------|--------------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 106 | 106 | VÕ THỊ THÚY | 18573401010053 | 59B2 QTKD | Kinh tế | 9,17 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187840766 | 0962253611 | 106869241458 | vietinbank |
| 107 | 107 | HOÀNG THỊ THƠ | 18573401010070 | 59B2 QTKD | Kinh tế | 8,9 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184393324 | 0979742147 | 108869241456 | vietinbank |
| 108 | 108 | PHAN THỊ NHUNG | 18573401010069 | 59B2 QTKD | Kinh tế | 8,84 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184397333 | 0981478455 | 107869241445 | vietinbank |
| 109 | 109 | LÊ THỊ PHƯƠNG LINH | 18573401010084 | 59B2 QTKD | Kinh tế | 8,8 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187802141 | 0352792024 | 100869241439 | vietinbank |
| 110 | 110 | Nguyễn Thị Hương | 18573401010117 | 59B2 QTKD | Kinh tế | 8,76 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184394323 | 0983821428 | 102869241286 | vietinbank |
| 111 | 111 | TRẦN THỊ NGUYỆT | 18573401010079 | 59B2 QTKD | Kinh tế | 8,72 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 18744253 | 0773413234 | 102872956323 | vietinbank |
| 112 | 112 | Võ Khánh Huyền | 18573401010146 | 59B3 QTKD | Kinh tế | 8,47 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184366644 | 0941091088 | 105868074857 | vietinbank |
| 113 | 113 | Thân Thị Nhân | 18573401010135 | 59B3 QTKD | Kinh tế | 8,41 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187806890 | 0971041109 | 107869241293 | vietinbank |
| 114 | 114 | Trần Thái Sơn | 18573402010012 | 59B TCNH | Kinh tế | 9,33 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187266873 | 0979763444 | 103869205445 | vietinbank |
| 115 | 115 | NGUYỄN XUÂN CHUNG | 18573402010073 | 59B TCNH | Kinh tế | 9,3 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187605616 | 0913909357 | 102002626090 | vietinbank |
| 116 | 116 | PHẠM THỊ HỒNG TĨNH | 18573402010069 | 59B TCNH | Kinh tế | 8,72 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184384822 | 0364421337 | 100869205448 | vietinbank |
| 117 | 117 | VÕ THỊ THUY LINH | 18573402010021 | 59B TCNH | Kinh tế | 8,71 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184377913 | 0849060400 | 104869205431 | vietinbank |
| 118 | 118 | PHẠM THỊ XUÂN QUỲNH | 18573402010027 | 59B TCNH | Kinh tế | 8,65 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187840732 | 0328787794 | 105869205443 | vietinbank |
| 119 | 119 | Phạm Ngọc Ánh | 19573101010054 | K60B - Kinh tế | Kinh tế | 8,2 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187898725 | 0915395602 | 106870864081 | vietinbank |
| 120 | 120 | Nguyễn Thị Hằng | 19573101010023 | K60B - Kinh tế | Kinh tế | 8,09 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187795590 | 0855722264 | 108840864089 | vietinbank |
| 121 | 121 | Nguyễn Phương Oanh | 19573101010057 | K60B - Kinh tế | Kinh tế | 8,05 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187965044 | 0387212561 | 102870864103 | vietinbank |
| 122 | 122 | Trần Khánh Linh | 19573101010044 | K60B - Kinh tế | Kinh tế | 7,98 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 184405069 | 0973868908 | 103870864096 | vietinbank |
| 123 | 123 | Nguyễn Thị Ánh | 19573401010108 | 60B3 QTKD | Kinh tế | 8,38 | Khá | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187709676 | 0398018042 | 104870863958 | vietinbank |
| 124 | 124 | Trần Bùi Thảo Trang | 19573401010081 | 60B1 QTKD | Kinh tế | 8,21 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187819038 | 0975677817 | 104870815476 | vietinbank |
| 125 | 125 | Phạm Thị Thuý | 19573401010095 | 60B2 QTKD | Kinh tế | 8,15 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187812087 | 0328087559 | 100870815540 | vietinbank |
| 126 | 126 | Trương Thị Hoài Thương | 19573401010193 | 60B2 QTKD | Kinh tế | 8,1 | Khá | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187901958 | 0969497506 | 106870815544 | vietinbank |
| 127 | 127 | Nguyễn Thị Thúy | 19573401010084 | 60B2 QTKD | Kinh tế | 8,09 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187891665 | 0855233544 | 109870815541 | vietinbank |
| 128 | 128 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | 19573401010082 | 60B1 QTKD | Kinh tế | 7,93 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187897966 | 0368776626 | 105870815475 | vietinbank |
| 129 | 129 | Nguyễn Thị Thanh Bình | 19573401010214 | 60B2 QTKD | Kinh tế | 7,89 | Khá | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 037301001256 | 0339524832 | 104870924970 | vietinbank |
| 130 | 130 | Trần Thị Thương | 19573401010078 | 60B3 QTKD | Kinh tế | 7,86 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187915270 | 0949308706 | 108870864013 | vietinbank |
| 131 | 131 | Nguyễn Thị Thanh Hiền | 19573401010121 | 60B1 QTKD | Kinh tế | 7,83 | Xuất sắc | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187891666 | 0379728010 | 108870815432 | vietinbank |
| 132 | 132 | Hoàng Lê Phương Thảo | 19573401010129 | 60B QTKD-CLC | Kinh tế | 8,51 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187756476 | 0848779937 | 101866755184 | vietinbank |
| 133 | 133 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh | 1957340101_10006 | 60B QTKD-CLC | Kinh tế | 8,5 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187759642 | 0327353615 | 102870815478 | vietinbank |
| 134 | 134 | Hồ Thị Thanh Tiến | 19573401010055 | 60B QTKD-CLC | Kinh tế | 7,89 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187801174 | 0988911941 | 107870864014 | vietinbank |
| 135 | 135 | Nguyễn Thế Anh | 19573401010014 | 60B QTKD-CLC | Kinh tế | 7,78 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187605482 | 0335088499 | 100870864976 | vietinbank |
| 136 | 136 | Thái Đoan Đạt | 19573402010010 | 60B TCNH | Kinh tế | 8,41 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 212589572 | 0702333448 | 101870864034 | vietinbank |
| 137 | 137 | Hoàng Thị Ánh | 19573402010037 | 60B TCNH | Kinh tế | 8,18 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184421885 | 0924270738 | 108870864025 | vietinbank |
| 138 | 138 | Nguyễn Cảnh Tuyên | 19573402010044 | 60B TCNH | Kinh tế | 7,59 | Khá | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187877801 | 0395097937 | 103870864069 | vietinbank |
| 139 | 139 | Phan Thị Diệu Linh | 19573402010036 | 60B TCNH | Kinh tế | 7,55 | Khá | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 184421885 | 0924270738 | 108870864025 | vietinbank |
| 140 | 1 | Phạm Thị Bích Ngà | 1755214020110076 | 58A2 GDMN | Giáo dục | 9 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 184359608 | 961464581 | 106867694800 | vietinbank |
| 141 | 2 | BIỆN THỊ LINH TRANG | 1755214020110061 | 58A1 GDMN | Giáo dục | 8,94 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187594882 | 976574467 | 106867694622 | vietinbank |
| 142 | 3 | TRẦN THỊ HỒNG | 1755214020110101 | 58A2 GDMN | Giáo dục | 8,92 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187739385 | 384685094 | 104867694784 | vietinbank |
| 143 | 4 | LÔ THỊ LÝ HƯƠNG | 1755214020110138 | 58A1 GDMN | Giáo dục | 8,89 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187775903 | 357422448 | 104867694579 | vietinbank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|------------------------|------------------|-----------|------------|--------------------|----------|--------|-----------------------|-------------|--------------|-------------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 144 | 5 | LÊ THỊ TRÀ MY | 1755214020110057 | 58A2 GDMN | Giáo dục | 8,75 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187843392 | 985029704 | 103867694797 | vietinbank |
| 145 | 6 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | 1755214020110004 | 58A1 GDMN | Giáo dục | 8,72 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187660777 | 336486252 | 109867694586 | vietinbank |
| 146 | 7 | LỖ THỊ HƯƠNG | 1755214020110137 | 58A1 GDMN | Giáo dục | 8,6 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187783003 | 817961411 | 105867694578 | vietinbank |
| 147 | 8 | TRẦN THỊ LỆ MỸ | 1755214020110023 | 58A1 GDMN | Giáo dục | 8,44 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187662644 | 379148021 | 100867694597 | vietinbank |
| 148 | 9 | BÙI THỊ LAN HƯƠNG | 1755214020110040 | 58A2 GDMN | Giáo dục | 8,37 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184337962 | 347124196 | 102867694786 | vietinbank |
| 149 | 10 | CÙ THỊ THẨM | 1755214020210078 | 58A2 GDTH | Giáo dục | 9,02 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187850164 | 962991657 | 106867694730 | vietinbank |
| 150 | 11 | NGUYỄN THỊ HOÀ | 1755214020210071 | 58A2 GDTH | Giáo dục | 9,01 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187689101 | 389193450 | 106867694716 | vietinbank |
| 151 | 12 | TRẦN HỒNG THÚY | 1755214020210112 | 58A2 GDTH | Giáo dục | 8,99 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 194615714 | 986074626 | 107867694739 | vietinbank |
| 152 | 13 | VÕ THỊ THÚY HẰNG | 1755214020210052 | 58A2 GDTH | Giáo dục | 8,97 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187823588 | 338224809 | 109867694173 | vietinbank |
| 153 | 14 | NGUYỄN TRÂM ANH | 1755214020210092 | 58A1 GDTH | Giáo dục | 8,89 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187813249 | 942394833 | 105867694699 | vietinbank |
| 154 | 15 | PHẠM QUỲNH MAI | 1755214020210098 | 58A2 GDTH | Giáo dục | 8,82 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187745270 | 975685807 | 109867694752 | vietinbank |
| 155 | 16 | PHAN THỊ MỸ HẠNH | 1755214020210059 | 58A2 GDTH | Giáo dục | 8,78 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187822762 | 989451901 | 102867694761 | vietinbank |
| 156 | 17 | ĐẶNG THỊ THƯƠNG | 1755214011400018 | 58B QLGD | Giáo dục | 8,27 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184380284 | 868821030 | 106867694864 | vietinbank |
| 157 | 18 | BÙI THỊ GIANG | 1755214011400006 | 58B QLGD | Giáo dục | 8,26 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187777227 | 982833218 | 104867694842 | vietinbank |
| 158 | 19 | NGUYỄN THỊ NGỌC LINH | 18571402011121 | 59A2 GDMN | Giáo dục | 8,51 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187870994 | 364410163 | 104869090024 | vietinbank |
| 159 | 20 | LÊ THỊ ÁNH MÂY | 18571402011100 | 59A1 GDMN | Giáo dục | 8,51 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184328558 | 966029260 | 109869090138 | vietinbank |
| 160 | 21 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | 18571402011023 | 59A1 GDMN | Giáo dục | 8,48 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184405212 | 869340958 | 104869090158 | vietinbank |
| 161 | 22 | NGUYỄN THỊ THẢO | 18571402011170 | 59A3 GDMN | Giáo dục | 8,48 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187811978 | 362444892 | 101869089927 | vietinbank |
| 162 | 23 | ĐẶNG THỊ TRÀ | 18571402011191 | 59A3 GDMN | Giáo dục | 8,44 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187715554 | 869173540 | 107868577025 | vietinbank |
| 163 | 24 | NGHIÊM THỊ ANH ĐÀO | 18571402011110 | 59A3 GDMN | Giáo dục | 8,4 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187845053 | 395726061 | 105869089892 | vietinbank |
| 164 | 25 | LỖ THỊ MỸ LINH | 18571402011095 | 59A1 GDMN | Giáo dục | 8,39 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187777929 | 363640322 | 104869090133 | vietinbank |
| 165 | 26 | PHẠM THỊ THU HÀ | 18571402011082 | 59A3 GDMN | Giáo dục | 8,37 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187839666 | 817310243 | 101869089896 | vietinbank |
| 166 | 27 | LÊ THỊ NGỌC TRÂM | 18571402011134 | 59A1 GDMN | Giáo dục | 8,37 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187697117 | 839486889 | 106869090168 | vietinbank |
| 167 | 28 | HOÀNG THỊ HOÀI PHƯƠNG | 18571402011123 | 59A1 GDMN | Giáo dục | 8,28 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187593548 | 392122926 | 103869090147 | vietinbank |
| 168 | 29 | LÊ THỊ HẰNG | 18571402011139 | 59A2 GDMN | Giáo dục | 8,26 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187854653 | 975602047 | 107869425860 | vietinbank |
| 169 | 30 | NGUYỄN THỊ YÊN NHI | 18571402011159 | 59A3 GDMN | Giáo dục | 8,25 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187807965 | 362605755 | 107869089921 | vietinbank |
| 170 | 31 | VÕ THỊ HOÀI PHƯƠNG | 18571402021015 | 59A1 GDTH | Giáo dục | 8,81 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 197437106 | 816313234 | 105869090196 | vietinbank |
| 171 | 32 | DƯƠNG THẢO LINH | 18571402021075 | 59A1 GDTH | Giáo dục | 8,79 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187757575 | 838790677 | 104869090185 | vietinbank |
| 172 | 33 | PHAN THỊ LAN NHI | 18571402021121 | 59A2 GDTH | Giáo dục | 8,75 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187871157 | 333637182 | 109869090095 | vietinbank |
| 173 | 34 | NGUYỄN THỊ THẢO QUỲNH | 18571402021034 | 59A1 GDTH | Giáo dục | 8,68 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187801133 | 835606365 | 106869090201 | vietinbank |
| 174 | 35 | NGUYỄN THỊ KIM OANH | 18571402021099 | 59A3 GDTH | Giáo dục | 8,66 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187871264 | 943289070 | 105869089975 | vietinbank |
| 175 | 36 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY | 18571402021046 | 59A1 GDTH | Giáo dục | 8,62 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187920564 | 378208171 | 107869425328 | vietinbank |
| 176 | 37 | Cao Thị Phương Thảo | 18571402021180 | 59A1 GDTH | Giáo dục | 8,62 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 44300003891 | 385357814 | 106869090226 | vietinbank |
| 177 | 38 | VŨ THỊ KIM OANH | 18571402021006 | 59A1 GDTH | Giáo dục | 8,45 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187755459 | 384476138 | 101869425542 | vietinbank |
| 178 | 39 | NGUYỄN THỊ THÙY LINH | 18571402021125 | 59A1 GDTH | Giáo dục | 8,41 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187753644 | 971326748 | 100869425313 | vietinbank |
| 179 | 40 | HOÀNG TRẦN VIỆT HÀ | 18571402021122 | 59A3 GDTH | Giáo dục | 8,36 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187818553 | 961569976 | 101869089954 | vietinbank |
| 180 | 41 | Đậu Thị Thanh | 18571401140006 | 59B QLGD | Giáo dục | 8,3 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187920522 | 942227205 | 108868065599 | vietinbank |
| 181 | 42 | Nguyễn Thị Hương | 19571402010136 | 60A2 GDMN | Giáo dục | 9,05 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187860993 | 705402517 | 102870785440 | vietinbank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|----------------------|------------------|-----------|------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|-------------|--------------|-----------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 182 | 43 | Võ Thị Hương | 19571402010088 | 60A2 GDMN | Giáo dục | 8,39 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187882239 | 867627821 | 105869448703 | vietinbank |
| 183 | 44 | Nguyễn Thị Tú Anh | 19571402010109 | 60A3 GDMN | Giáo dục | 8,34 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187962238 | 377042577 | 106870785485 | vietinbank |
| 184 | 45 | Nguyễn Thị Nga | 19571402010063 | 60A1 GDMN | Giáo dục | 8,19 | Khá | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187799650 | 868377682 | 106870785458 | vietinbank |
| 185 | 46 | Trần Thị Thu Hoài | 19571402010023 | 60A1 GDMN | Giáo dục | 8,09 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187926364 | 962706265 | 106869918655 | vietinbank |
| 186 | 47 | Nguyễn Thị Nga | 19571402010094 | 60A2 GDMN | Giáo dục | 8,05 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187908625 | 971189291 | 106870785389 | vietinbank |
| 187 | 48 | Đặng Thị Ngân | 19571402010089 | 60A1 GDMN | Giáo dục | 8,02 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187962655 | 355528204 | 107870785390 | vietinbank |
| 188 | 49 | Mạc Thị Minh Thư | 19571402010018 | 60A1 GDMN | Giáo dục | 7,94 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187795537 | 813828812 | 106870785406 | vietinbank |
| 189 | 50 | Phạm Thị Hà Phương | 19571402010042 | 60A1 GDMN | Giáo dục | 7,91 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187847484 | 868137776 | 102870785395 | vietinbank |
| 190 | 51 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 19571402010047 | 60A1 GDMN | Giáo dục | 7,87 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187951340 | 375321736 | 102870785400 | vietinbank |
| 191 | 52 | Trần Thị Nhật Tân | 19571402020168 | 60A3 GDTH | Giáo dục | 8,96 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187902058 | 838786567 | 105870785722 | vietinbank |
| 192 | 53 | Đào Thị Sen | 19571402020249 | 60A4 GDTH | Giáo dục | 8,87 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184433067 | 812030587 | 103870785790 | vietinbank |
| 193 | 54 | Trần Thị Thanh Tâm | 19571402020197 | 60A3 GDTH | Giáo dục | 8,78 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187787612 | 979109667 | 105869107608 | vietinbank |
| 194 | 55 | Nguyễn Thị Toàn | 19571402020112 | 60A3 GDTH | Giáo dục | 8,74 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187892735 | 335123314 | 106870785733 | vietinbank |
| 195 | 56 | Lương Thị Sáng | 19571402020233 | 60A3 GDTH | Giáo dục | 8,68 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184417805 | 367592812 | 107870785720 | vietinbank |
| 196 | 57 | Trần Thị Trang | 19571402020078 | 60A1 GDTH | Giáo dục | 8,64 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184429193 | 355686041 | 108870785608 | vietinbank |
| 197 | 58 | Hồ Thị Thảo | 19571402020175 | 60A4 GDTH | Giáo dục | 8,64 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187887515 | 363936859 | 100870785793 | vietinbank |
| 198 | 59 | Phan Thị Huyền Linh | 19571402020032 | 60A2 GDTH | Giáo dục | 8,59 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187855607 | 039 564 5271 | 102870785644 | vietinbank |
| 199 | 60 | Nguyễn Thanh Mai | 19571402020011 | 60A1 GDTH | Giáo dục | 8,58 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184436369 | 378489874 | 104870785584 | vietinbank |
| 200 | 61 | Nguyễn Thị Minh Tú | 19571402020226 | 60A3 GDTH | Giáo dục | 8,54 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187847127 | 562392822 | 101870785741 | vietinbank |
| 201 | 62 | Phạm Trần Thu Sương | 19571402020043 | 60A1 GDTH | Giáo dục | 8,54 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187903562 | 857409545 | 103870785597 | vietinbank |
| 202 | 63 | Lê Thị Hồng Ngọc | 19571402020031 | 60A2 GDTH | Giáo dục | 8,48 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187855487 | 039 252 8447 | 105870785653 | vietinbank |
| 203 | 64 | Hoàng Thị Giang | 19571402020072 | 60A3 GDTH | Giáo dục | 8,43 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187962859 | 989442766 | 100870785685 | vietinbank |
| 204 | 65 | Hoàng Thị Giang | 19571402020083 | 60A2 GDTH | Giáo dục | 8,36 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187874028 | 039 7181638 | 106870785625 | vietinbank |
| 205 | 66 | Dương Thị Như Quỳnh | 19571402020184 | 60A3 GDTH | Giáo dục | 8,34 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187902205 | 376274270 | 106870785719 | vietinbank |
| 206 | 67 | Văn Thị Huyền Trâm | 19571401140019 | 60B QLGD | Giáo dục | 7 | Tốt | Khá | 980000 | 5 | 4.900.000 | 187970138 | 921883940 | 109870785552 | vietinbank |
| 207 | 1 | HỒ THỊ PHƯƠNG | 1755238010100259 | 58B1 Luật | Luật | 9,34 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187851401 | 0389236689 | 108867601552 | Vietinbank |
| 208 | 2 | Vũ Thị Thanh Ngân | 1755238010100067 | 58B3 Luật | Luật | 9,3 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187814912 | 0983194634 | 100867589254 | Vietinbank |
| 209 | 3 | PHẠM THỊ THÚY QUYÊN | 1755238010100143 | 58B2 Luật | Luật | 9,18 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 187758735 | 966502312 | 108867586489 | Vietinbank |
| 210 | 4 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | 1755238010100013 | 58B1 Luật | Luật | 9,06 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 184329236 | 0972522831 | 100867576516 | vietinbank |
| 211 | 5 | Doãn Thị Thảo | 1755238010100279 | 58B5 Luật | Luật | 9,31 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187704839 | 01658117064 | 102867589986 | Vietinbank |
| 212 | 6 | Phan Thị Bích | 1755238010106001 | 58B1 Luật | Luật | 9,21 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187791959 | 0388412734 | 106869419814 | Vietinbank |
| 213 | 7 | BÙI NGỌC ÁNH | 1755238010100094 | 58B2 Luật | Luật | 9,17 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 101294641 | 0352007019 | 106867586454 | Vietinbank |
| 214 | 8 | VƯƠNG QUANG HÀO | 1755238010100138 | 58B2 Luật | Luật | 9,13 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 241745527 | 01626075454 | 108867586464 | Vietinbank |
| 215 | 9 | HỒ THỊ ÁNH | 1755238010100136 | 58B3 Luật | Luật | 9,11 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187766582 | 0369098647 | 102867589213 | Vietinbank |
| 216 | 10 | TRẦN THỊ THẢO NGUYỄN | 1755238010100140 | 58B4 Luật | Luật | 8,98 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187819833 | 0978413603 | 108867589953 | Vietinbank |
| 217 | 11 | VƯƠNG THỊ VIỆT | 1755238010100235 | 58B5 Luật | Luật | 8,97 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187704886 | 0389227668 | 106867590016 | vietinbank |
| 218 | 12 | BÙI THỊ DUYÊN | 1755238010100109 | 58B2 Luật | Luật | 8,95 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187788143 | 0337078136 | 101867586459 | Vietinbank |
| 219 | 13 | NGÔ CHIÊN THẮNG | 1755238010100212 | 58B2 Luật | Luật | 8,95 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187713974 | 0988234879 | 104867586501 | Vietinbank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|------------------------|------------------|---------------------|-------------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|-------------|--------------|--------------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 220 | 14 | PHẠM THỊ TRÂM ANH | 1755238010100054 | 58B1 Luật | Luật | 8,9 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187589082 | 0906598842 | 102867576468 | Vietinbank |
| 221 | 15 | Trần Thị Lan | 1755238010100267 | 58B3 Luật | Luật | 8,89 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184110324 | 0384686961 | 102867589240 | Vietinbank |
| 222 | 16 | LÊ HUYỀN TRANG | 1755238010700001 | 58B1 Luật Kinh tế | Luật | 9,18 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 038199009351 | 01697237810 | 108867576572 | Vietinbank |
| 223 | 17 | PHẠM THỊ HUYỀN TRANG | 1755238010700029 | 58B2 Luật Kinh tế | Luật | 9,28 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 038199007787 | 0857010806 | 104867586553 | Vietinbank |
| 224 | 18 | PHẠM VĂN ĐẠT | 1755238010700224 | 58B3 Luật Kinh tế | Luật | 9,21 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 164577396 | 0981347400 | 105867649257 | Vietinbank |
| 225 | 19 | NGUYỄN THỊ ANH | 1755238010700049 | 58B2 Luật Kinh tế | Luật | 9,12 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 038199009023 | 0961575538 | 109867586506 | Vietinbank |
| 226 | 20 | TẠ THỊ TÌNH | 1755238010700035 | 58B3 Luật Kinh tế | Luật | 9,11 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187788266 | 0337163345 | 103867589306 | Vietinbank |
| 227 | 21 | NGUYỄN THỊ THU HÀ | 1755238010700020 | 58B1 Luật Kinh tế | Luật | 9,08 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187794507 | 0332791150 | 101867576542 | Vietinbank |
| 228 | 22 | BÙI HUYỀN THƯƠNG | 1755238010700024 | 58B1 Luật Kinh tế | Luật | 8,96 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184302661 | 0941478391 | 109867576568 | Vietinbank |
| 229 | 23 | ĐÀU THỊ HỒNG | 1755238010700058 | 58B2 Luật Kinh tế | Luật | 8,95 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187749194 | 0387979198 | 9967809011998 | MB Bank |
| 230 | 24 | NGUYỄN THỊ LAN ANH | 1755238010700037 | 58B1 Luật Kinh tế | Luật | 8,91 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184360464 | 0392913160 | 101867576527 | Vietinbank |
| 231 | 25 | NGÔ THÙY LINH | 1755238010700077 | 58B2 Luật Kinh tế | Luật | 8,9 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187817618 | 0981707925 | 108867586534 | Vietinbank |
| 232 | 26 | Nguyễn Thị Lê Na | 1755238010700205 | 58B2 Luật Kinh tế | Luật | 8,86 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184380068 | 0372667705 | 102867649223 | Vietinbank |
| 233 | 27 | NGUYỄN THỊ XUYỀN | 1755238010700229 | 58B3 Luật Kinh tế | Luật | 8,82 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187792198 | 0352472828 | 1017187607 | Vietcombank |
| 234 | 28 | CAO THỊ NGÂN HÀ | 18573801010071 | 59B2-LUẬT HỌC | Luật | 9,03 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 185757752 | 0912798631 | 109869107713 | Vietinbank |
| 235 | 29 | TRƯƠNG THỊ HỒNG DIỄN | 18573801010050 | 59B1-LUẬT HỌC | Luật | 8,81 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 194641023 | 0356251225 | 104869107624 | Vietinbank |
| 236 | 30 | TRẦN THỊ LÂM OANH | 18573801010064 | 59B2-LUẬT HỌC | Luật | 8,78 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184347120 | 0934412731 | 106869107730 | Vietinbank |
| 237 | 31 | TRẦN THỊ LINH | 18573801010062 | 59B2-LUẬT HỌC | Luật | 8,73 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187799855 | 0337671023 | 101869107723 | Vietinbank |
| 238 | 32 | Trịnh Trà Giang | 18573801010005 | 59B1-LUẬT HỌC | Luật | 8,45 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187895239 | 0902204717 | 109869107629 | Vietinbank |
| 239 | 33 | Vì Thị Hằng Nga | 18573801010010 | 59B2-LUẬT HỌC | Luật | 8,44 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187557610 | 0968553607 | 109869107725 | Vietinbank |
| 240 | 34 | PHẠM THỊ HẢI | 18573801070057 | 59B2 - Luật kinh tế | Luật | 9,02 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187803187 | 0948158954 | 100869107763 | Vietinbank |
| 241 | 35 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | 18573801070068 | 59B2 - Luật kinh tế | Luật | 8,85 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187845686 | 0338002495 | 108869107778 | Vietinbank |
| 242 | 36 | PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO | 18573801070036 | 59B1 - Luật kinh tế | Luật | 8,7 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187759926 | 0934093328 | 109869107700 | Vietinbank |
| 243 | 37 | NGUYỄN THỊ HẢI | 18573801070028 | 59B1 - Luật kinh tế | Luật | 8,66 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184336259 | 0344026677 | 106869107674 | Vietinbank |
| 244 | 38 | Trần Thị Tú Anh | 18573801070014 | 59B2 - Luật kinh tế | Luật | 8,63 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187819417 | 0886761374 | 104869107757 | Vietinbank |
| 245 | 39 | LÊ THANH BÌNH | 18573801070032 | 59B1 - Luật kinh tế | Luật | 8,56 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 038200001275 | 0354492343 | 100869107670 | Vietinbank |
| 246 | 40 | Nguyễn Thu Huyền | 19573801010074 | K60B2 - Luật học | Luật | 8,58 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 038301002064 | 0931379544 | 108868337622 | Vietinbank |
| 247 | 41 | Nguyễn Khắc Cường | 19573801010015 | K60B1 - Luật học | Luật | 8,28 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187962410 | 0837102396 | 109870743900 | Vietinbank |
| 248 | 42 | Nguyễn Diệu Huyền | 19573801010065 | K60B2 - Luật học | Luật | 8,24 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187902007 | 0388095816 | 101870743950 | Vietinbank |
| 249 | 43 | Lương Văn Thương | 19573801010085 | K60B2 - Luật học | Luật | 7,93 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187834178 | 0343351659 | 102870924972 | Vietinbank |
| 250 | 44 | Trần Thị Thảo Ly | 19573801010053 | K60B2 - Luật học | Luật | 7,9 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187709675 | 0858900413 | 107870743954 | Vietinbank |
| 251 | 45 | Nguyễn Thị Minh | 19573801070016 | K60B - Luật kinh tế | Luật | 8,82 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 038301005369 | 0385634566 | 104870744003 | Vietinbank |
| 252 | 46 | Lê Thị Thanh Na | 19573801070028 | K60B - Luật kinh tế | Luật | 8,71 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187818815 | 0828685242 | 100870744007 | Vietinbank |
| 253 | 47 | Đặng Thị Hồng Anh | 19573801070039 | K60B - Luật kinh tế | Luật | 8,56 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187925555 | 0949138486 | 108869918568 | Vietinbank |
| 254 | 48 | Lê Xuân Linh | 19573801070063 | K60B - Luật kinh tế | Luật | 8,46 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187792610 | 0968405482 | 105870743995 | Vietinbank |
| 255 | 1 | Trương Thị Phiên | 1755262010500001 | 58K Chân nuôi | Nông nghiệp và TN | 8,7 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187643769 | 0325952603 | 106867606737 | Vietinbank |
| 256 | 2 | Ngô Văn Hậu | 1755262030100003 | K58K - NTTS | Nông nghiệp và TN | 8,48 | Khá | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187735101 | 0346299896 | 1012819982 | Vietcombank |
| 257 | 3 | Tô Thủy Hà | 18576201050009 | K59K - CN | Nông nghiệp và TN | 8,54 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187741747 | 0978774672 | 100869089833 | Vietinbank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|-----------------------|------------------|------------------------|-------------------|--------------------|----------|--------|-----------------------|-------------|--------------|-------------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 258 | 4 | Phạm Thị Huyền Nhi | 18576201090009 | K59K - NH | Nông nghiệp và TN | 8,36 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187770780 | 0376093802 | 100869089846 | Vietinbank |
| 259 | 5 | Vũ Thị Hồng Nhung | 18576203010001 | K59K - NTTS | Nông nghiệp và TN | 8,65 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187624483 | 0356022417 | 103869089867 | Vietinbank |
| 260 | 6 | Hồ Ngọc Hùng | 18578501010008 | K59K - QL TN&MT | Nông nghiệp và TN | 8,41 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187755895 | 0329401149 | 105869089880 | Vietinbank |
| 261 | 7 | Nguyễn Thị Cẩm Tú | 19576201090008 | K60K - Nông học | Nông nghiệp và TN | 8,56 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184441309 | 0943895030 | 103870845831 | Vietinbank |
| 262 | 8 | Trần Công Công | 19576203010023 | K60K - NTTS | Nông nghiệp và TN | 7,91 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187872575 | 0397706134 | 030074960241 | Sacombank |
| 263 | 9 | Hồ Thị Hải Yến | 19578501010006 | K60K - QLNTMT | Nông nghiệp và TN | 7,64 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187876275 | 0969790365 | 103872318536 | Vietinbank |
| 264 | 1 | NGUYỄN THỊ LAN ANH | 1755222020100011 | 58B1 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,43 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184357496 | 0356309966 | 103867611465 | Vietinbank |
| 265 | 2 | Nguyễn Thị Trang | 1755222020100174 | 58B5 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,39 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184282009 | 0327632323 | 108867611677 | Vietinbank |
| 266 | 3 | CAO THỊ THƯƠNG | 1755222020100034 | 58B1 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,33 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187788205 | 0348180657 | 103867611508 | Vietinbank |
| 267 | 4 | NGUYỄN THỊ HÀ GIANG | 1755222020100039 | 58B1 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,07 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184353861 | 0396201008 | 109867611472 | Vietinbank |
| 268 | 5 | NGUYỄN THỊ THƠM | 1755222020100103 | 58B2 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,06 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187803553 | 0386858623 | 104867611561 | Vietinbank |
| 269 | 6 | PHAN THỊ DUNG | 1755222020100117 | 58B2 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,05 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184374509 | 0977804041 | 100867611526 | Vietinbank |
| 270 | 7 | PHÙNG THỊ CÁT | 1755222020100019 | 58B1 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,98 | Xuất sắc | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187587341 | 0384020950 | 100867611468 | Vietinbank |
| 271 | 8 | TRẦN THỊ MỸ HẠNH | 1755222020100131 | 58B4 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,93 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187803578 | 0359426596 | 105867611643 | Vietinbank |
| 272 | 9 | ĐÀU CẨM TÚ | 1755222020100155 | 58B3 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,87 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187757464 | 0987249829 | 109867611609 | Vietinbank |
| 273 | 10 | NGUYỄN ĐÓN HẢI QUANG | 1755222020100092 | 58B4 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,81 | Xuất sắc | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 264490496 | 0387093269 | 109867611554 | Vietinbank |
| 274 | 11 | NGUYỄN THỊ BÉ | 1755222020100082 | 58B2 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,81 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187804081 | 0392000450 | 102867611524 | Vietinbank |
| 275 | 12 | Nguyễn Như Phong | 1755222020100077 | 58B2 Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,78 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187759184 | 0989759076 | 100867611553 | Vietinbank |
| 276 | 13 | HOÀNG THỊ HẢI YẾN | 1755214023110090 | 58A1 Sư phạm Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,85 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184370798 | 0934490116 | 102867611402 | Vietinbank |
| 277 | 14 | Nguyễn Cẩm Hoài Thu | 1755214023110034 | 58A1 Sư phạm Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,69 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187696747 | 0946011199 | 109867611390 | Vietinbank |
| 278 | 15 | NGUYỄN THỊ THÙY LINH | 1755214023100083 | 58A2 Sư phạm Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,68 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187697917 | 0972558807 | 102867611427 | Vietinbank |
| 279 | 16 | ĐÀM THỊ THU | 1755214023110085 | 58A1 Sư phạm Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,56 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187803908 | 0852333132 | 108867611391 | Vietinbank |
| 280 | 17 | TRẦN THỊ MINH THÚY | 1755214023110101 | 58A2 Sư phạm Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,53 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187819682 | 0977733354 | 106867611450 | Vietinbank |
| 281 | 18 | TRẦN THỊ NGUYỆT | 1755214023110067 | 58A2 Sư phạm Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,52 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187796994 | 0856537186 | 107867611434 | Vietinbank |
| 282 | 19 | NGUYỄN THU THẢO | 1755214023110065 | 58A1 Sư phạm Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,48 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187699524 | 0943638498 | 102867611385 | Vietinbank |
| 283 | 20 | NGUYỄN VÕ HOÀNG | 18572202010054 | K59B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,56 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187871571 | 0981864225 | 107869449189 | Vietinbank |
| 284 | 21 | Hoàng Thị Lệ | 18572202010211 | K59B3 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,48 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184384873 | 0705282698 | 108869108177 | Vietinbank |
| 285 | 22 | ĐẶNG NHẬT MINH | 18572202010182 | K59B4 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,23 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 22200003779 | 0702290872 | 107868776726 | Vietinbank |
| 286 | 23 | PHAN THỊ THÚY QUỲNH | 18572202010123 | K59B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,08 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187768815 | 0393309612 | 104869108061 | Vietinbank |
| 287 | 24 | TRẦN THỊ THANH THÚY | 18572202010099 | K59B2 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,08 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184398889 | 0367649698 | 100869108123 | Vietinbank |
| 288 | 25 | HỒ THỊ HƯƠNG | 18572202010092 | K59B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,06 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187920545 | 0326278356 | 109869108039 | Ngân hàng |
| 289 | 26 | Phạm Hồng Linh Ni | 18572202010210 | K59B3 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,03 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187609667 | 0963827898 | 102867569448 | Vietinbank |
| 290 | 27 | NGUYỄN THỊ THÚY HƯƠNG | 18572202010055 | K59B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,01 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187804764 | 0969216137 | 101869108040 | Vietinbank |
| 291 | 28 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH | 18572202010086 | K59B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187871427 | 0366234131 | 108869108028 | Vietinbank |
| 292 | 29 | NGUYỄN THỊ HỒNG XUÂN | 18572202010051 | K59B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,98 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187776296 | 0822631242 | 106869108072 | Vietinbank |
| 293 | 30 | NGUYỄN THỊ NGỌC | 18572202010158 | K59B2 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,98 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187861502 | 0353351550 | 109869503548 | Vietinbank |
| 294 | 31 | PHẠM THỊ THƯƠNG | 18572202010078 | K59B2 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,95 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187707422 | 0335021100 | 101869108122 | Ngân hàng |
| 295 | 32 | HỒ VĂN SƠN | 18572202010059 | K59B2 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,84 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187640602 | 0839879600 | 105869108116 | Vietinbank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|-----------------------|------------------|-------------------------|--------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|-------------|--------------|--------------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 296 | 33 | NGUYỄN THỊ NGỌC | 18572202010085 | K59B4 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,82 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187806693 | 0835439420 | 105869108200 | Vietinbank |
| 297 | 34 | NGUYỄN ĐÀO TIỀN | 18571402311017 | K59A - SP Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,86 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187857566 | 0763165134 | 102868879371 | Vietinbank |
| 298 | 35 | TRẦN THANH HÀ | 18571402311040 | K59A - SP Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,84 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187699235 | 0833551703 | 103869192621 | Vietinbank |
| 299 | 36 | HỒ VIỆT AN | 18571402311005 | K59A - SP Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,66 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187887517 | 0854841678 | 102869192610 | Vietinbank |
| 300 | 37 | Nguyễn Thị Linh Chi | 19572202010122 | K60B2 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,49 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187886460 | 0372169001 | 105870698152 | Vietinbank |
| 301 | 38 | Trần Thị Hồng Hạnh | 19572202010283 | K60B2 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,39 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187925145 | 0931362129 | 109870698160 | Vietinbank |
| 302 | 39 | Lê Thị Hồng Nhung | 19572202010062 | K60B4 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 8,06 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184439219 | 0368407431 | 103870698290 | Vietinbank |
| 303 | 40 | Nguyễn Lê Hải Yến | 19572202010093 | K60B2 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,89 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187859667 | 0949520201 | 100870698196 | Vietinbank |
| 304 | 41 | Nguyễn Thị Thanh | 19572202010039 | K60B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,86 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187925981 | 0981906915 | 101869918553 | Vietinbank |
| 305 | 42 | Nguyễn Thị Bảo Trâm | 19572202010230 | K60B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,83 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187818010 | 0949537829 | 100870698132 | Vietinbank |
| 306 | 43 | Hoàng Thị Cẩm Tú | 19572202010203 | K60B5 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,52 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187757168 | 0826819031 | 106870698343 | Vietinbank |
| 307 | 44 | Bùi Thị Mai | 19572202010117 | K60B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,48 | Khá | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 184434065 | 0348287619 | 101870698117 | Vietinbank |
| 308 | 45 | Trần Thị Lam | 19572202010181 | K60B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,46 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 044300002278 | 0846049357 | 108870698110 | Vietinbank |
| 309 | 46 | Nguyễn Khánh Linh | 19572202010065 | K60B3 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,34 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187887823 | 0969025101 | 101870698226 | Vietinbank |
| 310 | 47 | Kheo Thị Kiều Trang | 19572202010177 | K60B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,33 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187886492 | 0373312276 | 109870698133 | Vietinbank |
| 311 | 48 | Lê Thị Giang | 19572202010105 | K60B2 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,28 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187891687 | 0344703354 | 103870698154 | Vietinbank |
| 312 | 49 | Hoàng Thị Trang Nhung | 19572202010088 | K60B2 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,28 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187924924 | 0355841676 | 103869918563 | Vietinbank |
| 313 | 50 | Vũ Ngọc Huy Hoàng | 19572202010231 | K60B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,25 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187926138 | 0355949470 | 103869918576 | Vietinbank |
| 314 | 51 | Nguyễn Thị Tinh | 19572202010250 | K60B2 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,21 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187891684 | 0855821428 | 108870698186 | Vietinbank |
| 315 | 52 | Đoàn Thị Hà | 19572202010164 | K60B1 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,16 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187950414 | 0393134507 | 100870698105 | Vietinbank |
| 316 | 53 | Nguyễn Thị Lý | 19572202010073 | K60B3 - Ngôn ngữ Anh | SP Ngoại ngữ | 7,14 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 184442494 | 0979168830 | 107870698232 | Vietinbank |
| 317 | 54 | Nguyễn Thị Kim Oanh | 19571402310067 | K60A2 - SP Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,16 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187963289 | 0346637425 | 100870698050 | Vietinbank |
| 318 | 55 | Bùi Lệ Thanh | 19571402310098 | K60A3 - SP Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 8,04 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187916533 | 0393549046 | 103870698084 | Vietinbank |
| 319 | 56 | Đàm Thị Bích Thủy | 19571402310041 | K60A3 - SP Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 7,98 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187803919 | 0584269825 | 100870698087 | Vietinbank |
| 320 | 57 | Võ Thị Thùy Linh | 19571402310047 | K60A2 - SP Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 7,75 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187883018 | 0977167201 | 107870698038 | Vietinbank |
| 321 | 58 | Nguyễn Thị Ngọc Như | 19571402310033 | K60A2 - SP Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 7,7 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187843430 | 0765652436 | 104870698044 | Vietinbank |
| 322 | 59 | Hoàng Thị Thảo Vân | 19571402310005 | K60A1 - SP Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 7,52 | Khá | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 187925154 | 0979259653 | 101870698022 | Vietinbank |
| 323 | 60 | Phan Thị Hoài Thương | 19571402310014 | K60A1 - SP Tiếng Anh | SP Ngoại ngữ | 7,41 | Tốt | Khá | 980.000 | 5 | 4.900.000 | 184420644 | 0941425787 | 105870698016 | Vietinbank |
| 324 | 1 | NGUYỄN CHÍ BẢO | 1755214021110007 | 58A_Sư phạm Toán_CLC | SP TN | 8,85 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187842148 | 0945196172 | 104867628011 | Vietinbank |
| 325 | 2 | TRẦN BÍCH PHƯƠNG | 1755214020910071 | 58A2 Sư phạm Toán học | SPTN | 8,85 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187787237 | 0968539529 | 102867628089 | Vietinbank |
| 326 | 3 | NGUYỄN ĐỨC TIẾP | 1755214020910088 | 58A_Sư phạm Toán_CLC | SP TN | 8,72 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187818260 | 0928968909 | 103867628106 | Vietinbank |
| 327 | 4 | PHẠM THỊ NHUNG | 1755214020910045 | 58A1 Sư phạm Toán học | SPTN | 8,72 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184325415 | 0963141819 | 104867628062 | Vietinbank |
| 328 | 5 | NGUYỄN THỊ HOÀI | 1755214020910052 | 58A1 Sư phạm Toán học | SP TN | 8,62 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187823089 | 0981727308 | 107867628069 | Vietinbank |
| 329 | 6 | NGÔ THỊ HÀ | 18571402091011 | K59A - Sư phạm Toán học | SPTN | 9,27 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187871335 | 0522412492 | 106869205005 | Vietinbank |
| 330 | 7 | Nguyễn Phương Hà | 19571402090067 | K60A - SP Toán học_CLC | SP TN | 9,35 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.480.000 | 5 | 7.400.000 | 187895579 | 0964036767 | 107870607805 | Vietinbank |
| 331 | 8 | Nguyễn Thị Quỳnh | 19571402090008 | K60A - SP Toán học | SPTN | 9,11 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187970244 | 0327659201 | 102870607743 | Vietinbank |
| 332 | 9 | Dương Lê Ngọc Nam | 19571402090037 | K60A - SP Toán học_CLC | SP TN | 8,88 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187843826 | 0948870126 | 102870607794 | Vietinbank |
| 333 | 10 | Trương Thị Mỹ Hạnh | 19571402090017 | K60A - SP Toán học_CLC | SPTN | 8,73 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184386174 | 856616585 | 108870607747 | Vietinbank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng g | Số tiền đ/ký | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|----------------------|------------------|-----------------------|------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|------------------|--------------|---------------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 334 | 11 | Trần Thị Trúc Ngân | 1755214021210019 | 58A Sư phạm Hóa học | SP TN | 8,37 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187587025 | 0964735769 | 108867649145 | Vietinbank |
| 335 | 12 | Trần Thế Tài | 18571402121014 | 59A - Sư phạm Hóa học | SPTN | 8,61 | Khá | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 186197555 | 0985373974 | 109004117207 | Vietinbank |
| 336 | 13 | Phan Thị Hải Yến | 19571402120008 | 60A - SP Hóa học | SP TN | 8,08 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187827076 | 0925123890 | 103870935726 | Vietinbank |
| 337 | 1 | Trần Thị Thanh Huyền | 1755214021910006 | 58A SP Địa lý | SPXH | 8,96 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187734808 | 03644 78288 | 102867606592 | Vietinbank |
| 338 | 2 | Nguyễn Thị Lâm Anh | 1755214021710041 | 58A SP Ngữ văn | SP XH | 8,96 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187814877 | 0987940862 | 108867606642 | Vietinbank |
| 339 | 3 | Bùi Thị Lan Hương | 1755214021710037 | 58A SP Ngữ văn | SPXH | 8,85 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184357432 | 0373779280 | 101867606651 | Vietinbank |
| 340 | 4 | Lê Thị Phương Thảo | 1755214021710047 | 58A SP Ngữ văn | SP XH | 8,73 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187756399 | 0918930499 | 102867606675 | Vietinbank |
| 341 | 5 | Vũ Thị Vân Anh | 18571402171027 | 59A SP Ngữ văn | SPXH | 9,22 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.240.000 | 5 | 6.200.000 | 184392375 | 0349297629 | 109869192803 | Vietinbank |
| 342 | 6 | Võ Thị Nhung | 18571402171018 | 59A SP Ngữ văn | SP XH | 9,29 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 038300013308 | 0349584581 | 106869192821 | Vietinbank |
| 343 | 7 | Chu Thị Hoài Linh | 19571402190003 | 60A SP Địa lý | SPXH | 8,22 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187914356 | 0945283416 | 103870814957 | Vietinbank |
| 344 | 8 | Trần Thị Hương Giang | 19571402170028 | 60A - SP Ngữ văn | SP XH | 9,36 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187898434 | 0362058386 | 102870814919 | Vietinbank |
| 345 | 9 | Nguyễn Khánh Huyền | 19571402170036 | 60A - SP Ngữ văn | SPXH | 8,48 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187877964 | 0981950002 | 104870814929 | Vietinbank |
| 346 | 10 | Vũ Thị Bình | 19571402170022 | 60A - SP Ngữ văn | SP XH | 8,21 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187925763 | 0382586653 | 104869918492 | Vietinbank |
| 347 | 1 | Nguyễn Thị Diệu Linh | 165TDV200030 | 57K CNTP | H-S-MT | 8,17 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187623295 | 964146481 | 107003762873 | Vietinbank |
| 348 | 2 | Đặng Thị Kim Oanh | 165TDV200350 | 57K CNTP | H-S-MT | 8,86 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184286573 | 0369664374 | 102003634297 | Vietinbank |
| 349 | 3 | Hoàng Thị Hải Yến | 165TDV200072 | 57K CNTP | H-S-MT | 8,66 | Khá | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187729653 | 333587521 | 107003634311 | Vietinbank |
| 350 | 4 | Lê Thị Ái Thơ | 1755254010100019 | 58K CNTP | H-S-MT | 7,64 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 184326007 | 0778541058 | 101872937967 | Vietinbank |
| 351 | 5 | Võ Thị Trúc Quỳnh | 1755254010100001 | 58K CNTP | H-S-MT | 7,55 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 241779909 | 0336308273 | 100867628260 | Vietinbank |
| 352 | 6 | Nguyễn Thị Khánh Hòa | 1755254010100028 | 58K CNTP | H-S-MT | 7,39 | Khá | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187589018 | 0354389331 | 102872936788 | Vietinbank |
| 353 | 7 | ĐẶNG THỊ NGỌC | 18575401010024 | 59K CNTP | H-S-MT | 7,68 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187802252 | 0984079137 | 100869192854 | Vietinbank |
| 354 | 8 | Nguyễn Tiến Anh | 18575401010007 | 59K CNTP | H-S-MT | 7,42 | Xuất sắc | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | '033200005670 | '0395872838 | 109869192843 | Vietinbank |
| 355 | 9 | Nguyễn Thị Tú | 18577203010028 | 59B Điều dưỡng | H-S-MT | 8,72 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187794913 | 0392678129 | 109869192913 | Vietinbank |
| 356 | 10 | Trần Thị Phương Thùy | 18577203010029 | 59B Điều dưỡng | H-S-MT | 8,54 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 038300016053 | 0964832523 | 100869192909 | Vietinbank |
| 357 | 11 | Lê Thị Thảo Linh | 18577203010055 | 59B Điều dưỡng | H-S-MT | 8,09 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187424763 | 0988014594 | 100006380201 | Vietinbank |
| 358 | 12 | Phạm Thị Lan Anh | 19575401010011 | 60K - CNTP | H-S-MT | 8,25 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184414243 | 0945747041 | 109870845811 | Vietinbank |
| 359 | 13 | Nguyễn Thị Tú | 19577203010043 | 60B2 - Điều dưỡng | H-S-MT | 8,39 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 038301018249 | 0924198858 | 101870845790 | Vietinbank |
| 360 | 14 | Dương Thị Trang | 19577203010027 | 60B2 - Điều dưỡng | H-S-MT | 7,99 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 184391766 | 0948256092 | 106869241300 | Vietinbank |
| 361 | 15 | Lê Thị Thắm | 19577203010032 | 60B1 - Điều dưỡng | H-S-MT | 7,73 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 038301013552 | 0984160798 | 108870845781 | Vietinbank |
| 362 | 16 | Hà Thị Oanh | 19577203010006 | 60B1 - Điều dưỡng | H-S-MT | 7,48 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187888121 | 0346800081 | 103871451281 | Vietinbank |
| 363 | 17 | Phan Thị Minh Tâm | 19577203010014 | 60B1 - Điều dưỡng | H-S-MT | 7,46 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 241952780 | 0859022700 | 102870845762 | Vietinbank |
| 364 | 1 | Hồ Văn Thoà | 1755232010100007 | 58B Báo chí | KHXHNV | 8,24 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187755007 | 0334611953 | 100867606721 | Vietin bank |
| 365 | 2 | Nguyễn Thị Hương Lê | 1755232010100008 | 58B Báo chí | KHXHNV | 8,23 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184311903 | 0971796301 | 107867606709 | Vietin bank |
| 366 | 3 | Lê Thị Quỳnh | 1755231020100002 | 58B CTH | KHXHNV | 8,93 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187644464 | 0375957347 | 109867743613 | Vietin bank |
| 367 | 4 | Hồ Thị Xinh | 1755276010100029 | 58B CTXH | KHXHNV | 8,83 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187414523 | 0866952902 | 100867649200 | Vietin bank |
| 368 | 5 | Trịnh Thị Hương | 1755276010100021 | 58B CTXH | KHXHNV | 8,75 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187713764 | 0917958953 | 107867596021 | Vietin bank |
| 369 | 6 | Bùi Thị Hoài | 1755222011300026 | 58B1 VNH | KHXHNV | 8,74 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187792389 | 0328619543 | 108867595986 | Vietin bank |
| 370 | 7 | Trần Khánh Hòa | 1755222011300001 | 58B1 VNH | KHXHNV | 8,72 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187320439 | 0978116806 | 108867595961 | Vietin bank |
| 371 | 8 | Ngô Thị Hoa | 1755222011300008 | 58B1 VNH | KHXHNV | 8,68 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184372332 | 0966903538 | 101867595968 | Vietin bank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng g | Số tiền d/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|------------------------|------------------|-----------------------|------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|------------------|--------------|--------------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 372 | 9 | Trần Thị Bình Minh | 1755222011300080 | 58B1 VNH | KHXHNV | 8,56 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187748665 | 0326588173 | 1199730011997 | Viettin bank |
| 373 | 10 | Lê Thị Thảo | 1755222011300060 | 58B1 VNH | KHXHNV | 8,54 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187777500 | 0385801014 | 106867596047 | Viettin bank |
| 374 | 11 | Nguyễn Văn An | 18573201010014 | 59B Báo chí | KHXHNV | 8,45 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 038200012933 | 0379983494 | 104869053417 | Viettin bank |
| 375 | 12 | Đoàn Thị Thanh Thảo | 18577601010007 | K59B CTXH | KHXHNV | 8,15 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184360974 | 0915587224 | 108869053440 | Viettin bank |
| 376 | 13 | Nguyễn Thị Kim Anh | 18573106300087 | 59B1VNH | KHXHNV | 9,16 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184385841 | 0857987170 | 108869048085 | Viettin bank |
| 377 | 14 | Nguyễn Ngọc Anh | 18573106300064 | 59B2 VNH | KHXHNV | 9,01 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187858452 | 0941962204 | 109869048127 | Viettin bank |
| 378 | 15 | Trần Thị Thuỳ Trang | 18573106300035 | 59B1VNH | KHXHNV | 8,63 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 197437069 | 0942315476 | 104869048122 | Viettin bank |
| 379 | 16 | Lê Thị Hương Giang | 18573106300042 | 59B1VNH | KHXHNV | 8,59 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187858157 | 0355163935 | 109869048096 | Viettin bank |
| 380 | 17 | Đậu Thị Quyên | 18573106300043 | 59B1VNH | KHXHNV | 8,51 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187799860 | 0397105194 | 106869048120 | Viettin bank |
| 381 | 18 | Hoàng Bảo Trâm | 19573201010006 | K60B Báo chí | KHXHNV | 8,41 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184419187 | 0898611789 | 107870628385 | Viettin bank |
| 382 | 19 | Nguyễn Thị Thu Hằng | 19577601010006 | K60B CTXH | KHXHNV | 8,48 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184425181 | 0354923435 | 108870628465 | Viettin bank |
| 383 | 20 | Hồ Thị Diệu | 19573106300037 | K60B VNH | KHXHNV | 8,28 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187924261 | 0978250024 | 103870628433 | Viettin bank |
| 384 | 21 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | 19573106300016 | K60B VNH | KHXHNV | 8,28 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187821149 | 0966788856 | 109870628413 | Viettin bank |
| 385 | 22 | Nguyễn Thị Khánh Huyền | 19573106300050 | K60B VNH | KHXHNV | 8,16 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187838038 | 0377750451 | 100870628449 | Viettin bank |
| 386 | 23 | Lương Thị Phương Thảo | 19573106300017 | K60B VNH | KHXHNV | 8,02 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187841989 | 0839942628 | 108870628414 | Viettin bank |
| 387 | 1 | VŨ ĐỨC ANH | 165TDV200142 | 57K CNKT ĐIỆN ĐT | KT-CN | 9,02 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.480.000 | 5 | 7.400.000 | 174547030 | 357254473 | 105002930235 | ViettinBank |
| 388 | 2 | NGUYỄN VĂN DŨNG | 165TDV200437 | 57K CNKT ĐIỆN ĐT | KT-CN | 8,84 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187641162 | 961536840 | 107002538117 | ViettinBank |
| 389 | 3 | PHAN LỆ SỸ | 165TDV200212 | 57K CNKT ĐIỆN ĐT | KT-CN | 8,57 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187658084 | 0969602777 | 104003123154 | ViettinBank |
| 390 | 4 | NGUYỄN VĂN SÁNG | 165TDV200307 | 57K KT ĐTVT | KT-CN | 8,25 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187657158 | 355579977 | 101003076641 | ViettinBank |
| 391 | 5 | ĐOÀN TRƯỜNG THIÊN | 165TDV200064 | 57K KTD&TĐH | KT-CN | 8,99 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184327215 | 339706633 | 104003634341 | ViettinBank |
| 392 | 6 | PHẠM VĂN DŨNG | 165TDV200450 | 57K KTD&TĐH | KT-CN | 8,86 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187607172 | 387907666 | 107003634348 | ViettinBank |
| 393 | 7 | LÂM VĂN NGỌC | 1755251030100015 | 58K CNKT ĐIỆN, ĐT | KT-CN | 8,59 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184320980 | 358927831 | 109867641739 | ViettinBank |
| 394 | 8 | ĐOÀN VĂN PHÚC ƯỚC | 1755251030100031 | 58K CNKT ĐIỆN, ĐT | KT-CN | 8,44 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187825401 | 965898532 | 107867641771 | ViettinBank |
| 395 | 9 | TRÌNH VĂN LƯƠNG | 1755251030100013 | 58K CNKT ĐIỆN, ĐT | KT-CN | 8,16 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187575635 | 799100801 | 101867641737 | ViettinBank |
| 396 | 10 | THÁI PHƯƠNG NAM | 1755251030100045 | 58K CNKT ĐIỆN, ĐT | KT-CN | 8,14 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184298885 | 964251570 | 100867641738 | ViettinBank |
| 397 | 11 | Đặng Thế Tài | 1755252020700009 | 58K KT ĐTVT | KT-CN | 8,91 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187811824 | 357517957 | 106867641784 | ViettinBank |
| 398 | 12 | LÊ HOÀI NAM | 1755252021600007 | 58K Kỹ thuật ĐK & TĐH | KT-CN | 8,38 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187818412 | 332428099 | 104868221923 | ViettinBank |
| 399 | 13 | NGUYỄN MẠNH TÂN | 1755252021600020 | 58K Kỹ thuật ĐK & TĐH | KT-CN | 8,29 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187694555 | 336895566 | 109867641824 | ViettinBank |
| 400 | 14 | DƯƠNG ĐÌNH NGHĨA | 1755252021600008 | 58K Kỹ thuật ĐK & TĐH | KT-CN | 8,24 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184333385 | 394325692 | 106867641815 | ViettinBank |
| 401 | 15 | VŨ TÁ HOÀNG | 18575103010036 | K59K - CN KTDIÊN, ĐT | KT-CN | 8,45 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184315197 | 975781952 | 106869192670 | ViettinBank |
| 402 | 16 | NGUYỄN VĂN BÌNH | 18575103010019 | K59K - CN KTDIÊN, ĐT | KT-CN | 8,35 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187809485 | 967494515 | 104869453562 | ViettinBank |
| 403 | 17 | NGŌ QUANG TRƯỜNG | 18575103010021 | K59K - CN KTDIÊN, ĐT | KT-CN | 8,32 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187884499 | 878882131 | 103869192697 | ViettinBank |
| 404 | 18 | HOÀNG THANH LỘC | 18575102050021 | K59K - CN KT Ô tô | KT-CN | 9,01 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.480.000 | 5 | 7.400.000 | 184329034 | 904950700 | 103869192766 | ViettinBank |
| 405 | 19 | Dương Văn Lâm | 18575102050037 | K59K - CN KT Ô tô | KT-CN | 8,83 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184378902 | 971548782 | 104869192765 | ViettinBank |
| 406 | 20 | VŌ VĂN HỢP | 18575202160028 | 59K KTD&TĐH | KT-CN | 8,39 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184407562 | 914909942 | 109869192721 | ViettinBank |
| 407 | 21 | PHAM VĂN LƯƠNG | 18575202160019 | 59K KTD&TĐH | KT-CN | 8,27 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187872380 | 0985514052 | 102869192728 | ViettinBank |
| 408 | 22 | PHAN XUÂN HIỀU | 18575202160020 | 59K KTD&TĐH | KT-CN | 8,16 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184321058 | 0345609896 | 109869192719 | ViettinBank |
| 409 | 23 | Nguyễn Văn Huân | 19575102060003 | K60K - CN KTDIÊN, ĐT | KT-CN | 8,25 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184390987 | 0866.429.476 | 109870845969 | ViettinBank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|------------------------|------------------|----------------------|------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|-------------|--------------|--------------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 410 | 24 | Cao Bá Đức | 19575103010020 | K60K - CN KTĐIÊN, ĐT | KT-CN | 7,7 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187951153 | 334711581 | 102870846037 | VietinBank |
| 411 | 25 | Chu Văn Nam | 19575102050073 | K60K2 - CNKT Ô TÔ | KT-CN | 7,73 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187925786 | 0869362801 | 102870845915 | VietinBank |
| 412 | 26 | Lê Tuấn Nam | 19575102050019 | K60K1 - CNKT Ô TÔ | KT-CN | 7,68 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187827276 | 0382522407 | 101870845943 | VietinBank |
| 413 | 27 | Nguyễn Văn Yên | 19575102050059 | K60K2 - CNKT Ô TÔ | KT-CN | 7,67 | Khá | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187594809 | 364689632 | 100870845904 | VietinBank |
| 414 | 28 | Nguyễn Duy Nam | 19575102050087 | K60K2 - CNKT Ô TÔ | KT-CN | 7,62 | Khá | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187818864 | 0563527824 | 101870845928 | VietinBank |
| 415 | 29 | Lê Trọng Hải Nam | 19575102050033 | K60K1 - CNKT Ô TÔ | KT-CN | 7,57 | Khá | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187963715 | 0976561797 | 101870845955 | VietinBank |
| 416 | 30 | Nguyễn Hoàng Đức | 19575202070011 | K60K - KT ĐTVT | KT-CN | 7,4 | Khá | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 184407722 | 335334727 | 105870845879 | VietinBank |
| 417 | 31 | Phạm Hồng Hải | 19575202160023 | K60K - KTĐK&TĐH | KT-CN | 8,39 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187882838 | 919465749 | 105870845990 | VietinBank |
| 418 | 32 | Phan Văn Trung | 19575202160021 | K60K - KTĐK&TĐH | KT-CN | 8,35 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187945727 | 961042576 | 105870845988 | VietinBank |
| 419 | 33 | Phạm Hồ Vinh | 19575202160015 | K60K - KTĐK&TĐH | KT-CN | 8,28 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187817154 | 362558491 | 103870846228 | VietinBank |
| 420 | 34 | LÊ VIỆT HOÀNG | 165TDV200473 | 57K3 CNTT | KT-CN | 8,81 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184339205 | 0356143579 | 105003634421 | Vietinbank |
| 421 | 35 | NGUYỄN THỊ MAI | 165TDV200141 | 57K1 CNTT | KT-CN | 8,7 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187749106 | 0343807676 | 100003005142 | Vietinbank |
| 422 | 36 | NGUYỄN NGUYỄN HOÀNG | 165TDV200456 | 57K3 CNTT | KT-CN | 8,31 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184299347 | 0332273737 | 106003634420 | Vietinbank |
| 423 | 37 | TRẦN QUANG NHẬT | 165TDV200467 | 57K3 CNTT | KT-CN | 7,96 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187605941 | 0347818026 | 106003128624 | Vietinbank |
| 424 | 38 | NGUYỄN PHẠM HOÀNG | 165TDV200082 | 57K3 CNTT | KT-CN | 7,92 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187758860 | 0968249320 | 105003634419 | Vietinbank |
| 425 | 39 | Nguyễn Minh Tâm | 165TDV200510 | 57K1 CNTT | KT-CN | 7,88 | Khá | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187605861 | 0357134131 | 104805071996 | Vietinbank |
| 426 | 40 | PHAN TRỌNG QUYẾT | 165TDV200169 | 57K3 CNTT | KT-CN | 7,76 | Khá | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 184298378 | 0979972857 | 106002913264 | Vietinbank |
| 427 | 41 | MAI THỦY NGỌC | 1755248020100038 | 58K2 CNTT | KT-CN | 9,15 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 197573209 | 0981843314 | 102867592551 | Vietinbank |
| 428 | 42 | NGUYỄN HẢI YẾN | 1755248020100219 | 58K2 CNTT | KT-CN | 9,12 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184270256 | 0389954422 | 102867592576 | Vietinbank |
| 429 | 43 | Bùi Thị Nhật Linh | 1755248020100212 | 58K4 CNTT | KT-CN | 9,02 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184374062 | 0972827440 | 100867592687 | Vietinbank |
| 430 | 44 | MAI HOÀI THANH | 1755248020100042 | 58K2 CNTT | KT-CN | 9,01 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 197573210 | 0978594502 | 105867592560 | Vietinbank |
| 431 | 45 | NGUYỄN ĐÌNH HIẾU | 1755248020100083 | 58K3 CNTT | KT-CN | 8,95 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187593589 | 0333535699 | 102867592588 | Vietinbank |
| 432 | 46 | MAI HỒNG MẶN | 1755248020100213 | 58K4 CNTT | KT-CN | 8,78 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187820329 | 0335010373 | 109867592688 | Vietinbank |
| 433 | 47 | ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH | 1755248020100041 | 58K1 CNTT | KT-CN | 8,73 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187588813 | 0348956143 | 103867592465 | Vietinbank |
| 434 | 48 | TRẦN ĐỨC HÙNG | 1755248020100095 | 58K3 CNTT | KT-CN | 8,71 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187803863 | 0393633665 | 101867592591 | Vietinbank |
| 435 | 49 | NGUYỄN THỊ KIM LAM | 1755248020100179 | 58K2 CNTT | KT-CN | 8,69 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187813184 | 0323389003 | 102867592549 | Vietinbank |
| 436 | 50 | LÊ VĂN MẠNH | 1755248020100098 | 58K3 CNTT | KT-CN | 8,68 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187807411 | 0337514771 | 102867592606 | Vietinbank |
| 437 | 51 | NGUYỄN THỊ HUYỀN MY | 1755248020100172 | 58K3 CNTT | KT-CN | 8,57 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184329543 | 0396602811 | 109867592609 | Vietinbank |
| 438 | 52 | BÙI ĐÌNH CHÍ | 18574802010043 | 59K-CNTT.CLC | KT-CN | 9,25 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.480.000 | 5 | 7.400.000 | 187842833 | 0763108115 | 100869108001 | Vietinbank |
| 439 | 53 | THÁI THỊ HƯƠNG LY | 18574802010064 | K59K2-CNTT | KT-CN | 8,37 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187878396 | 0368751301 | 101869107872 | Vietinbank |
| 440 | 54 | NGUYỄN VĂN THÁI | 18574802010050 | K59K1-CNTT | KT-CN | 8,21 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187863551 | 0326963117 | 109869107834 | Vietinbank |
| 441 | 55 | TRẦN TRUNG PHONG | 18574802010110 | K59K3-CNTT | KT-CN | 8,21 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187891539 | 0347916302 | 102869449445 | Vietinbank |
| 442 | 56 | Nguyễn Đình Quốc Cường | 18574802010006 | K59K1-CNTT | KT-CN | 8,19 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187697015 | 0969631130 | 108867308830 | Vietinbank |
| 443 | 57 | Ngô Trần Trúc Mai | 18574802010198 | 59K-CNTT.CLC | KT-CN | 8,83 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 092300006992 | 0523631320 | 103869107937 | Vietinbank |
| 444 | 58 | TRẦN VĂN THÌN | 18574802010080 | 59K-CNTT.CLC | KT-CN | 8,77 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187829774 | 0868600801 | 100869450199 | Vietinbank |
| 445 | 59 | DƯƠNG THÀNH LONG | 18574802010060 | 59K-CNTT.CLC | KT-CN | 8,75 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187819129 | 0904763913 | 102869108009 | Vietinbank |
| 446 | 60 | TRẦN NGỌC KHÔI | 18574802010124 | 59K-CNTT.CLC | KT-CN | 8,72 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187892960 | 0382471371 | 104869108007 | Vietinbank |
| 447 | 61 | HOÀNG VĂN HUY | 18574802010106 | 59K-CNTT.CLC | KT-CN | 8,63 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187800217 | 0978535202 | 106869108005 | Vietinbank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng g | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|-------------------------|------------------|----------------------|------------|--------------------|----------|--------|-----------------------|------------------|--------------|-------------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 448 | 62 | PHAN VĂN NHẬT | 18574802010097 | 59K-CNTT.CLC | KT-CN | 8,61 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184390796 | 039477910 | 102869108012 | Vietinbank |
| 449 | 63 | NGUYỄN ĐỨC THÀNH | 18574802010134 | 59K-CNTT.CLC | KT-CN | 8,14 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187809810 | 0342597476 | 103869450196 | Vietinbank |
| 450 | 64 | NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC TÍN | 18574802010069 | 59K-CNTT.CLC | KT-CN | 8,13 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187808080 | 0975216671 | 107869450223 | Vietinbank |
| 451 | 65 | Nguyễn Cảnh An | 19574802010132 | 60K2 - CNTT | KT-CN | 8,79 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187439962 | 0974712390 | 107870846960 | Vietinbank |
| 452 | 66 | Nguyễn Việt Hoà | 19574802010100 | 60K2 - CNTT | KT-CN | 8,6 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187962541 | 0368337520 | 102870845615 | Vietinbank |
| 453 | 67 | Nguyễn Thành Tâm | 19574802010171 | 60K3 - CNTT | KT-CN | 8,53 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184396968 | 0833726156 | 106870845675 | Vietinbank |
| 454 | 68 | Trần Anh Khôi | 19574802010123 | 60K2 - CNTT | KT-CN | 8,48 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184383223 | 0848685657 | 105870845636 | Vietinbank |
| 455 | 69 | Phan Thị Hải | 19574802010059 | 60K1 - CNTT | KT-CN | 8,45 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187907679 | 0355865192 | 101870845585 | Vietinbank |
| 456 | 70 | Hoàng Ngọc Giang | 19574802010242 | 60K1 - CNTT | KT-CN | 8,3 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184432794 | 0817598586 | 108871276692 | Vietinbank |
| 457 | 71 | Trần Thị Phương Thảo | 19574802010255 | 60K2 - CNTT | KT-CN | 8,27 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184365029 | 0354433550 | 107871276584 | Vietinbank |
| 458 | 72 | Tô Thị Nga | 19574802010125 | 60K2 - CNTT | KT-CN | 8,25 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187914527 | 0856780626 | 103870845638 | Vietinbank |
| 459 | 73 | Mai Huy Thọ | 19574802010116 | 60K2 - CNTT | KT-CN | 8,03 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187944748 | 0366772352 | 101870845630 | Vietinbank |
| 460 | 74 | Dương Thị Mỹ Duyên | 19574802010146 | 60K2 - CNTT | KT-CN | 8 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184439743 | 0942504297 | 106870845650 | Vietinbank |
| 461 | 75 | Quế Đại Thắng | 19574802010134 | 60K - CNTT.CLC | KT-CN | 8,7 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187827454 | 0582059454 | 108870850206 | Vietinbank |
| 462 | 76 | Ngô Văn Thiện | 19574802010128 | 60K - CNTT.CLC | KT-CN | 8,41 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187925687 | 0967051222 | 108870236799 | Vietinbank |
| 463 | 77 | Nguyễn Thị Na | 19574802010085 | 60K - CNTT.CLC | KT-CN | 8,04 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187913871 | 0368419703 | 106870845729 | Vietinbank |
| 464 | 78 | Đặng Hữu Tiến | 19574802010221 | 60K3 - CNTT | KT-CN | 7,93 | Xuất sắc | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187879626 | 0375071575 | 109870845714 | Vietinbank |
| 465 | 79 | Nguyễn Đức Mạnh | 19574802010122 | 60K - CNTT.CLC | KT-CN | 7,97 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187818778 | 0989338753 | 105870845732 | Vietinbank |
| 466 | 1 | Dương Văn Hoàng | 165TDV200483 | 57K1 KT Xây dựng | Xây dựng | 8,6 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187696012 | 0399611133 | 107003635416 | Vietinbank |
| 467 | 2 | Mạnh Trọng Phong | 165TDV200314 | 57K1 KT Xây dựng | Xây dựng | 8,59 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187593897 | 0355390732 | 104003079141 | Vietinbank |
| 468 | 3 | Phạm Đình Tùng | 165TDV200269 | 57K2 KT Xây dựng | Xây dựng | 8,48 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187638458 | 0364144040 | 107003013371 | Vietinbank |
| 469 | 4 | Nguyễn Bá Trung | 165TDV200254 | 57K2 KT Xây dựng | Xây dựng | 8,45 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184285752 | 0946035029 | 103003635461 | Vietinbank |
| 470 | 5 | Đặng Thị Mỹ | 165TDV300034 | 57K2 KT Xây dựng | Xây dựng | 8,41 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184259395 | 0978498507 | 101003665255 | Vietinbank |
| 471 | 6 | Nguyễn Sỹ Tú | 165TDV200101 | 57K1 KT Xây dựng | Xây dựng | 8,27 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187706290 | 0386171513 | 107003635416 | Vietinbank |
| 472 | 7 | Nguyễn Văn Mai | 165TDV200353 | 57K KTXD CTGT | Xây dựng | 8,82 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187732378 | 0986707207 | 104003024814 | Vietinbank |
| 473 | 8 | Trần Đức Giang | 165TDV200208 | 57K KTXD CTGT | Xây dựng | 8,63 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184348450 | 398678244 | 104003635473 | Vietinbank |
| 474 | 9 | Võ Hoàng Long | 1755258020800013 | 58K1 KT Xây dựng | Xây dựng | 8,31 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184348391 | 0398862217 | 107867628402 | Vietinbank |
| 475 | 10 | Trần Nguyên Quang Thắng | 1755258020800011 | 58K1 KT Xây dựng | Xây dựng | 8,21 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184359111 | 0947108645 | 103867628419 | Vietinbank |
| 476 | 11 | Phan Xuân Thành | 1755258020800034 | 58K2 KT Xây dựng | Xây dựng | 8,14 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 184338289 | 0399437676 | 102867628422 | Vietinbank |
| 477 | 12 | Doãn Văn Toàn | 1755258020800029 | 58K2 KT Xây dựng | Xây dựng | 7,89 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187745272 | 0965084513 | 0101001192415 | Vietinbank |
| 478 | 13 | Trần Tuấn Anh | 1755258020800040 | 58K1 KT Xây dựng | Xây dựng | 7,86 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 184375258 | 0961464917 | 100867628367 | Vietinbank |
| 479 | 14 | Phan Thị Tú Anh | 18575802010060 | 59B Kinh tế Xây dựng | Xây dựng | 7,11 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187844189 | 0378734220 | 105869107948 | Vietinbank |
| 480 | 15 | Tường Đăng Công | 18575802010003 | 59K KT Xây dựng | Xây dựng | 8,52 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187805612 | 0839359816 | 101869107954 | Vietinbank |
| 481 | 16 | Vũ Văn Định | 18575802010019 | 59K KT Xây dựng | Xây dựng | 8,36 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 03820006849 | 0332301851 | 100869107955 | Vietinbank |
| 482 | 17 | Nguyễn Bá Minh Anh | 18575802010048 | 59K KT Xây dựng | Xây dựng | 8,28 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187573271 | 0377058996 | 103869107952 | Vietinbank |
| 483 | 18 | Nguyễn Sỹ Hoàng | 18575802010020 | 59K KT Xây dựng | Xây dựng | 8,02 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187802065 | 0385298344 | 104869107963 | Vietinbank |
| 484 | 19 | Trần Văn Thành | 18575802050005 | 59K - KTXDCT GT | Xây dựng | 7,42 | Xuất sắc | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187759602 | 0377233477 | 102869108024 | Vietinbank |
| 485 | 20 | Trương Thanh Hiền | 19575803010010 | 60B Kinh tế Xây dựng | Xây dựng | 7,83 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187951503 | 0339028549 | 2212916062001 | MB bank |

| TT | STT | Họ và tên | Mã SV | Lớp | Khoa, Viện | ĐTB HT Hệ 10 | XLRL | Mức HB | Số tiền /Tháng (đ) | Số tháng g | Số tiền đ/kỳ | Số CMND | Số điện thoại | Số Tài khoản (Chính chủ) | Thuộc ngân hàng |
|-----|-----|-----------------------|------------------|-------------------|-------------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|------------------|--------------|-----------|------------------|--------------------------------|--------------------|
| 486 | 21 | Bùi Quang Huy | 19575802010056 | 60K KT Xây dựng | Xây dựng | 8,4 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187899974 | 0359939792 | 7173327 | ACB bank |
| 487 | 22 | Hoàng Văn Lộc | 19575802010035 | 60K KT Xây dựng | Xây dựng | 8,2 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187594904 | 0979436737 | 51810000376272 | BIDV |
| 488 | 23 | Tăng Văn Cường | 19575802010027 | 60K KT Xây dựng | Xây dựng | 8,02 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187847325 | 0326139349 | 0101001253248 | Vietcombank |
| 489 | 24 | Trần Văn Công | 19575802050007 | 60 - KTXDCT GT | Xây dựng | 7,43 | Xuất sắc | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187873833 | 0868741048 | 101870935698 | Vietinbank |
| 490 | 1 | Thái Thị Thu Hiền | 1755214020810016 | 58A-GDQP | GDQP | 8,55 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187825250 | 0332490353 | 104867606633 | VietinBank |
| 491 | 2 | NGUYỄN THẾ TUẤN | 18571402081005 | K59A-GDQP | GDQP | 8,91 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187508357 | 0385667537 | 103869089816 | Vietinbank |
| 492 | 3 | Ngân Thị Trinh | 19571402080003 | K60A-GDQP | GDQP | 7,67 | Tốt | Khá | 1.170.000 | 5 | 5.850.000 | 187913314 | 0365189089 | 109870744035 | Vietinbank |
| 493 | 1 | Nguyễn Thị Mỹ | 18571402061008 | 59A-GDTC | GDTC | 8,69 | Xuất sắc | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 336669321 | 187795611 | 107869089824 | Vietinbank |
| 494 | 1 | Nguyễn Hoàng Tuấn | 1755262010900008 | 58K Nông học | Nông nghiệp và TN | 8,75 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 245389288 | 0335991891 | 0861000083858 | Vietcombank |
| 495 | 2 | Vì Quang Tiến | 18578501030006 | K59K - QL đất đai | Nông nghiệp và TN | 9,03 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187782286 | 0389936767 | 107869089876 | Vietinbank |
| 496 | 3 | Trần Thị Quỳnh Anh | 1755214020510001 | 58A GDCT | SP XH | 8,95 | Xuất sắc | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 184278193 | 0364776161 | 104867743618 | Vietinbank |
| 497 | 4 | Nguyễn Thị Hà | 18571402191002 | 59A SP Địa lý | SP XH | 8,76 | Tốt | Giỏi | 1.080.000 | 5 | 5.400.000 | 187789833 | 0982951276 | 107869353069 | Vietinbank |
| 498 | 5 | Nguyễn Thị Phương Anh | 1755242020100004 | 58K CNSH | H-S-MT | 9,1 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.480.000 | 5 | 7.400.000 | 187661719 | 0988150737 | 103867628228 | Vietinbank |
| 499 | 6 | Lê Thị Minh Phụng | 1755214021310006 | 58A-SP Sinh | SP TN | 8,34 | Tốt | Giỏi | 1.285.000 | 5 | 6.425.000 | 187748310 | 357303857 | 106867649271 | Vietinbank |

An định danh sách gồm 499 sinh viên

564.975.000

2.824.875.000

Bảng chữ: (Hai tỷ tám trăm hai tư triệu tám trăm bảy lăm ngàn đồng)

TRƯỜNG PHÒNG CTCT-HSSV

TS. Đặng Thị Thu

Q. TRƯỜNG PHÒNG KH-TC

ThS. Đâu Đăng Tuấn

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

